|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| BAN DÂN TỘC | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 51/BC-BDT | *Thừa Thiên* *Huế, ngày 03 tháng 6 năm 2020* |

**BÁO CÁO**

**Công tác Cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2020**

Thực hiện chương trình, kế hoạch công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2020, Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế báo cáo tình hình công tác CCHC 6 tháng đầu năm và một số nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2020 như sau:

 **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH**

**1. Về kế hoạch cải cách hành chính**

 Ban đã ban hành Kế hoạch số 41/KH-BDT ngày 30/12/2019 về cải cách hành chính năm 2020; Kế hoạch số 03/KH-BDT ngày 15/01/2020 về tuyên truyền, tập huấn CCHC năm 2020 và Kế hoạch số 04/KH-BDT ngày 15/01/2020 về kiểm tra cải cách hành chính năm 2020, các kế hoạch đã được cơ quan quán triệt đến từng cán bộ, công chức để thực hiện.

 **2. Công tác chỉ đạo điều hành**

 Lãnh đạo Ban đã tổ chức quán triệt các văn bản hướng dẫn triển khai, thực hiện các hoạt động cải cách hành chính tại Ban năm 2020 nhằm giúp toàn thể cán bộ, công chức, viên chức nhận thức đầy đủ định hướng, chỉ đạo của cấp trên và có kỹ năng thực hiện các hoạt động hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ban Dân tộc.

Lãnh đạo Ban chỉ đạo triển khai, tập trung tốt cho nhóm thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước như: các chương trình, dự án và các chính sách dân tộc cho đồng bào dân tộc thiểu số ở các địa phương vùng dân tộc và miền núi. Bên cạnh đó dưới sự đốc thúc chỉ đạo ráo riết của Lãnh đạo Ban, việc ứng dụng, vận hành hệ thống các quy trình theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2015, các phần mềm dùng chung, các thủ tục hành chính, trang thông tin điện tử tại Ban một cách đầy đủ, bài bản với mục tiêu đạt hiệu quả cao nhất.

**3. Công tác kiểm tra cải cách thủ tục hành chính**

Công tác kiểm tra, rà soát việc thực hiện cải cách TTHC được triển khai đúng mục đích yêu cầu. Hằng tháng, cán bộ được giao nhiệm vụ kiểm tra cải cách thủ tục hành chính điều tra, rà soát nhằm tìm kiếm những bất hợp lý, chưa phù hợp để kịp thời thay đổi, điều chỉnh bổ sung.

**4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính**

 Lãnh đạo Ban chỉ đạo chặt chẽ tới các bộ phận cải cách hành chính phối hợp với các bộ phận, phòng chuyên môn triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến về chương trình cải cách hành chính nhằm nâng cao nhận thức về CCHC cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan. Thường xuyên nhắc nhở, hướng dẫn tại các cuộc họp giao ban cán bộ chủ chốt và cơ quan, nhằm mục đích đưa nội dung cải cách hành chính ngày càng hiệu quả hơn.

6 tháng đầu năm, Ban đã chủ động tổ chức 01 lớp tập huấn hướng dẫn sử dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 và 01 lớp tuyên truyền các văn bản liên quan đến cải cách hành chính của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**1. Cải cách thể chế**

Tiếp tục đổi mới các quy trình xây dựng và ban hành các văn bản theo đúng Thông tư số 01/2011/TT-BNV, đề cao trách nhiệm của từng bộ phận, phòng ban chuyên môn trong quá trình xây dựng thể chế. Đặc biệt là cán bộ lãnh đạo chủ chốt, chỉ đạo và theo dõi công tác cải cách hành chính thật sự đạt chất lượng trong thực thi nhiệm vụ được giao.

Công tác kiểm tra, rà soát các văn bản tiếp tục được triển khai thực hiện nghiêm túc theo đúng quy trình.

 **2. Cải cách thủ tục hành chính**

***2.1. Thực hiện cải cách TTHC trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của UBND tỉnh***

Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2020 về Ban hành Danh mục Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cấp tỉnh thực hiện tại tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2020, theo đó, Ban Dân tộc có 02 TTHC mức độ 3, Ban đã tiến hành niêm yết công khai tại vị trí bảng niêm yết, đăng tải bộ TTHC trên trang điện tử của Ban và cập nhật trên trang điện tử TTHC, dịch vụ công của tỉnh.

***2.2. Kiểm soát thủ tục hành chính***

Ngay từ đầu năm, Ban Dân tộc đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-BDT ngày 09/01/2019 về kiểm soát, rà soát, đánh giá thủ tục hành chính của Ban Dân tộc năm 2020, hiện nay Ban đang thực hiện theo kế hoạch và các quy định về đơn giản hoá thủ tục hành chính, từ đó có những thay đổi nhằm điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với văn bản mới của Trung ương và khả thi với cơ sở để thực hiện.

**3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

***3.1. Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của Ban Dân tộc***

Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định 54/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019, Ban đã tiến hành sắp xếp điều động một số vị trí cán bộ, công chức, viên chức để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo quy định và ban hành Quyết định số 83/QĐ-BDT ngày 02/12/2019 về Quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, bộ phận thuộc Ban.

***3.2. Tình hình thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông***

Hiện nay Ban đang có 02 bộ thủ tục hành chính được thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông từ UBND cấp xã đến UBND cấp huyện và đến các cơ quan cấp tỉnh. Tuy nhiên, do tính chất đặc thù của cơ quan làm công tác dân tộc, quản lý nhà nước về các chính sách dân tộc, cơ quan lồng ghép bộ phận một cửa chính là bộ phận văn thư của cơ quan, cán bộ lại làm công việc kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực nên vẫn còn nhiều khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ.

6 tháng đầu năm, Ban Dân tộc đã tổng hợp tờ trình của UBND các huyện, thị xã có đồng bào dân tộc thiểu số và tham mưu UBND tỉnh ra Quyết định 537/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 Phê duyệt danh sách đưa ra khỏi và thay thế, bổ sung mới người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2020.

**4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức**

***4.1. Về công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức***

Việc tuyển dụng, quản lý, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm và đánh giá cán bộ, công chức được thực hiện đúng quy định, đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch.

Đến nay, tổng số cán bộ công chức, viên chức trong toàn Ban có 19 người (14 biên chế QLNN, 02 biên chế sự nghiệp hành chính, 03 biên chế hợp đồng theo Nghị định 68; về trình độ chuyên môn có 03 đồng chí trên Đại học (Thạc sĩ 03); Đại học 13 đồng chí.

 Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình công tác của Ban, quan tâm giải quyết đảm bảo các quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật.

***4.2. Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng***

Ban đã ban hành Kế hoạch số 42/KH-BDT ngày 30/12/2019 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2020, hiện nay Ban đang tiếp tục triển khai theo kế hoạch; Lãnh đạo Ban luôn quan tâm bố trí cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong Ban.

6 tháng đầu năm, Ban đã đăng ký với Sở Nội vụ cho 02 CC,VC tham dự lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính, hiện nay 02 CC,VC vẫn đang tiếp tục theo học lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính.

**5. Cải cách tài chính công**

Việc thực hiện phân cấp quản lý ngân sách và công khai các nguồn thu, các khoản chi được thực hiện nghiêm túc. Tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, minh bạch về tài chính tại Ban ngày càng được nâng lên, đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình kiểm tra, thanh tra, góp phần hạn chế các vi phạm về chế độ quản lý tài chính và sử dụng có hiệu quả nguồn ngân sách của Nhà nước.

Hằng quý, Ban đã và đang triển khai áp dụng Quy chế chi tiền tiết kiệm gắn với xếp loại thi đua hàng quý của CB, CC, VC cơ quan. Hiệu ứng của công tác này rất tích cực, tạo ra sự thi đua thật sự trong thực hiện công vụ tại Ban.

**6. Hiện đại hoá hành chính**

***6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tại cơ quan***

Ban đã áp dụng và triển khai thực hiện tốt việc xử lý công việc thông qua hệ thống các phần mềm dùng chung của tỉnh, toàn thể cán bộ, công chức, viên chức cơ quan thường xuyên sử dụng địa chỉ thư điện tử công vụ để trao đổi, cung cấp thông tin phục vụ công việc.

Tiếp tục sử dụng và triển khai vận hành đồng bộ tại các phòng, bộ phận chức năng Hệ thống quản lý văn bản điều hành trong Trang điều hành tác nghiệp; chứng thư số; mail công vụ...

***6.2. Tình hình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động tại cơ quan***

Toàn Ban thực hiện áp dụng tốt các hệ thống văn bản theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 theo đúng kế hoạch.

Ngay từ đầu năm, Ban Dân tộc đã xây dựng mục tiêu chất lượng, chính sách chất lượng và đồng thời điều chỉnh, rà soát, họp đánh giá nội bộ và ban hành Quyết định công bố các quy trình ISO thực hiện tại cơ quan.

6 tháng đầu năm, Ban đã ban hành lại các quy trình tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 theo đúng quy định.

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

6 tháng đầu năm, công tác CCHC đã tiếp tục được tập trung chỉ đạo phối hợp triển khai thực hiện nghiêm túc, các văn bản chỉ đạo thực hiện CCHC được ban hành kịp thời. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn Ban được chú trọng.

Tuy nhiên, công tác CCHC của Ban vẫn còn nhiều hạn chế do cơ sở vật chất còn thiếu và điều kiện làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chưa được đảm bảo về nhân sự. Do tính chất đặc thù của cơ quan làm công tác dân tộc, với số lượng con người mỏng, thường xuyên công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, đặc thù của việc quản lý nhà nước thực hiện chính sách,… nên Ban vẫn còn nhiều khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ.

**IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020**

1. Tiếp tục duy trì và triển khai thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP.

2. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý nhà nước.

3. Tiếp tục rà soát và đơn giản hóa thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực do Ban quản lý, kiểm soát việc ban hành mới các thủ tục hành chính theo quy định.

4. Thực hiện công tác thống kê, báo cáo theo định kỳ hằng năm.

5. Thực hiện Kế hoạch và tổ chức tuyên truyền, tập huấn, kiểm tra CCHC đảm bảo theo kế hoạch đề ra.

**V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Đề nghị UBND tỉnh quan tâm về cơ sở vật chất và nhân sự, đảm bảo xây dựng phòng làm việc, trang thiết bị cho bộ phận tiếp nhận phục vụ công việc CCHC được nâng cao.

Đề nghị sở Nội vụ tham mưu mở các lớp tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ phụ trách CCHC để nâng cao hiệu quả công tác.

Trên đây là Báo cáo tình hình triển khai công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và một số nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2020, Ban Dân tộc báo cáo Sở Nội vụ được biết và tổng hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận*:** | TRƯỞNG BAN |
| - UBDT (b/c);- UBND tỉnh (b/c);- Sở Nội vụ;- Lãnh đạo Ban;- Lưu: VT,VP. | **Hồ Xuân Trăng** |

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH**

 **BAN DÂN TỘC**

**Phụ lục 1**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KẾ HOẠCH NĂM 2020**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Kế hoạch**  | **Thời gian ban hành** | **Số nhiệm vụ/số đơn vị trong kế hoạch** | **Số nhiệm vụ/ đơn vị được hoàn thành theo kế hoạch** | **Ghi chú** |
| 1. | Kế hoạch cải cách hành chính | 41/KH-BDT ngày 30/12/2019 | 3/3 | 1/3 |  |
| 2. | Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính | 04/KH-BDT ngày 15/01/2020 | 3/3 | 0/3 |  |
| 3. | Kế hoạch tuyên truyền, tập huấn CCHC | 03/KH-BDT ngày 15/01/2020 | 4/3 | 2/3 | Các phòng phối hợp thực hiện |
| 4. | Kế hoạch kiểm soát, rà soát, đánh giá TTHC | 02/KH-BDT ngày 09/01/2020 | 2/2 | 2/2 |  |
| 5. | Kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện | 0 | 0 | 0 | Không có thẩm quyền |
| 6. | Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức  | 42/KH-BDT ngày 30/12/2019 | 4/3 | 2/3 |  |
| 7. | Kế hoạch ứng dụng CNTT  | 43/KH-BDT ngày 30/12/2019 | 3/3 | 3/3 | Các phòng phối hợp thực hiện |

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH**

 **BAN DÂN TỘC**

**Phụ lục 4**

**SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí** | **Tổng số** | **Chia ra theo cấp hành chính** | **Tỷ lệ %** | **Ghi chú** |
| **Cơ quan đơn vị cấp tỉnh** | **UBND cấp huyện** | **UBND cấp xã** |
| 1. | Số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của đơn vị | 2 | 2 | 0 | 0 | 100 |  |
| 2. | Số TTHC ở cơ quan, đơn vị được giải quyết theo cơ chế một cửa | 0 | 0 | 0 | 0 | 100 |  |
| 3. | Số TTHC ở cơ quan, đơn vị được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông | 2 | 2 | 0 | 0 | 100 |  |

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH**

 **BAN DÂN TỘC**

**Phụ lục 6**

**SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Năm trước** | **Năm báo cáo** |
| **Nội dung** | **Quý I** | **Quý II** | **Quý III** | **Quý IV** | **Tổng** |
| 1. Số lượng VB QPPL đã ban hành | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2. Số lượng VB QPPL đã được rà soát | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3. Số lượng TTHC qua rà soát | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Kết quả | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| + Tự bãi bỏ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| + Tự sửa đổi |  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| + Đề nghị cấp trên sửa đổi, thay thế hoặc bải bỏ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| + Đề nghị cấp trên thêm mới | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH**

 **BAN DÂN TỘC**

**Phụ lục 7**

**KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Lĩnh vực, công việc thực hiện cơ chế một cửa** | **Số hồ sơ giải quyết nhiều ngày** (có ghi giấy hẹn) |
| **Hồ sơ chưa giải quyết** (trước kỳ báo cáo) | **Hồ sơ nhận** (trong kỳ báo cáo) | **Hồ sơ đã giải quyết** | **Hồ sơ đang giải quyết** |
| **Tổng số** | **Tiếp nhận ngày thứ 7** | **Trước hẹn** | **Đúng hẹn** | **Trễ hẹn** | **Đang thụ lý** | **Đã quá hạn** |
| 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Tổng số | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Lĩnh vực, công việc thực hiện cơ chế một cửa** | **Số hồ sơ giải quyết trong ngày**(không ghi giấy hẹn) |
|  |  | **Tổng số** | **Giải quyết trong ngày thứ 7** | **Đúng thời gian** | **Trễ thời gian** |
| 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Tổng số | 0 | 0 | 0 | 0 |

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH**

 **BAN DÂN TỘC**

**Phụ lục 8**

**KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Lĩnh vực, công việc thực hiện cơ chế một cửa liên thông** | **Số hồ sơ giải quyết nhiều ngày** |
| **Hồ sơ chưa giải quyết** (trước kỳ báo cáo) | **Hồ sơ nhận** (trong kỳ báo cáo) | **Hồ sơ đã giải quyết** | **Hồ sơ đang giải quyết** |
| **Tổng số** | **Tiếp nhận ngày thứ 7** | **Trước hẹn** | **Đúng hẹn** | **Trễ hẹn** | **Đang thụ lý** | **Đã quá hạn** |
| 1 | Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số | 0 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số | 0 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 |
|  | Tổng số | 0 | 2 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 |